TỈNH ỦY SÓC TRĂNG
HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG
CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC NĂM 2021
*
Số 05-TB/HĐTD

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Sóc Trăng, ngày 03 tháng 6 năm 2022

THÔNG BÁO

Kết quả Vòng 2 kỳ tuyển dụng công chức, viên chức cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội năm 2021

Căn cứ Kế hoạch số 21-KH/TU, ngày 03/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tuyển dụng công chức, viên chức cơ quan đảng, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội năm 2021;

1. Hội đồng tuyển dụng thông báo kết quả điểm thi Vòng 2 kỳ tuyển dụng công chức, viên chức năm 2021 *(danh sách đính kèm)*.

2. Thời gian nhận đơn phúc khảo (Đối với vị trí dự tuyển là công chức) từ ngày ra thông báo đến hết **ngày 18/6/2022**. Thí sinh dự thi có nguyện vọng phúc khảo kết quả điểm thi vòng 2, đề nghị gửi Đơn phúc khảo về Hội đồng thi (qua Phòng Tổ chức - Cán bộ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy, địa chỉ: số 247, đường Nguyễn Trung Trực, Phường 2, thành phố Sóc Trăng). Lệ phí phúc khảo thực hiện theo quy định hiện hành (150.000đ/bài thi).

Hội đồng tuyển dụng thông báo đến các thí sinh được biết.

Nơi nhận:
- Website Tỉnh ủy Sóc Trăng (đăng tin),
- Lưu Hồ sơ tuyển dụng.

PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY
kiêm
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN DỤNG

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN TỔ CHỨC
TỈNH ỦY SÓC TRĂNG

Hồ Thị Cẩm Đào

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ VÒNG 2 (ĐỐI VỚI VIÊN CHỨC)
KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CƠ QUAN ĐẢNG, MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI NĂM 2021

(kèm theo Thông báo số 05-TB/HĐTD, ngày 05/6/2022 của Hội đồng tuyển dụng công chức, viên chức năm 2021)

Số TT	Số báo danh	Họ và tên		Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm	Kết quả Vòng 2			Ghi chú
				Nam	Nữ					Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
Vị trí Phóng viên													
1	VC001	Trần Tấn	Phát	09/05/1992		Hoa	xã Đại Tâm, huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Phòng Chính trị - Pháp luật	PV01	90	5	95	Dân tộc thiểu số
2	VC002	Nguyễn Dương Trúc	Vy		31/08/1998	Kinh	huyện Châu Thành A, Hậu Giang	Phòng Chính trị - Pháp luật	PV01	80			
3	VC007	Lý Thị Thanh	Vàng		10/02/1992	Khmer	ấp Trà Mẹt, xã Tham Đôn, huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Phòng Báo chữ Khmer	PV03	90	5	95	Dân tộc thiểu số
4	VC010	Nguyễn Thị Lam	Tuyền		09/08/1985	Kinh	xã Nhơn Nghĩa A, huyện Châu Thành, Hậu Giang	Phòng Kinh tế - Xã hội	PV04	90		90	
5	VC012	Đỗ Thị Mỹ	Nhân		01/01/1998	Khmer	ấp Đai Ủi, xã Phú Mỹ, huyện Mỹ Tú, Sóc Trăng	Phòng Kinh tế - Xã hội	PV04	50	5	55	Dân tộc thiểu số
Vị trí Công nghệ thông tin													
6	VC014	Võ Thành	Lộc	30/05/1989		Kinh	ấp Tân Nghĩa, xã Lâm Tân, huyện Thạnh Trị, Sóc Trăng	Phòng Thư ký xuất bản	CN01	60		60	

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ VÒNG 2 (ĐỐI VỚI CÔNG CHỨC)
KỲ TUYỂN DỤNG CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC CƠ QUAN ĐẢNG, MẶT TRẬN TỔ QUỐC VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI NĂM 2021

(kèm theo Thông báo số 05-TB/HĐTD, ngày 03/6/2022 của Hội đồng tuyển dụng công chức, viên chức năm 2021)

Số TT	Số báo danh	Họ và tên		Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm	Kết quả thi Vòng 2			Ghi chú
				Nam	Nữ					Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
Chuyên viên Văn phòng cấp ủy (04 chỉ tiêu)													
1	CV003	Lê Minh	Tú	02/8/1996		Kinh	huyện Kế Sách, Sóc Trăng	Văn phòng Tỉnh ủy	VP02	71.50		71.50	
2	CV004	Sơn Thị Na	Ry		10/9/1990	Khmer	phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Văn phòng Tỉnh ủy	VP02	45.00	5	50.00	Dân tộc thiểu số
3	CV005	Lưu Quốc	Tại	22/11/1989		Kinh	xã Ninh Quới A, huyện Hồng Dân, Bạc Liêu	Văn phòng Tỉnh ủy	VP02	56.25		56.25	
4	CV006	Võ Công	Trạng	05/8/1996		Kinh	ấp Phước Thới A, xã Mỹ Phước, huyện Mỹ Tú, Sóc Trăng	Văn phòng Tỉnh ủy	VP02	55.00		55.00	
5	CV010	Phạm Trung	Toàn	18/02/1996		Kinh	xã Hòa Tú 1, huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Văn phòng Tỉnh ủy	VP03	55.00		55.00	
6	CV013	Hồ Thị Diệu	Linh		07/9/1997	Kinh	xã Phong Thạnh, thị xã Giá Rai, Bạc Liêu	Văn phòng Tỉnh ủy	VP03	90.00		90.00	
7	CV014	Đặng Thành	Danh	23/6/1998		Kinh	xã An Lục Long, huyện Châu Thành, Long An	Văn phòng Tỉnh ủy	VP03	61.00		61.00	
8	CV015	Trần Thế	Ni		10/9/1999	Kinh	Phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Văn phòng Tỉnh ủy	VP03	74.00		74.00	
9	CV016	Đỗ Lý Tấn	Phúc	31/8/1998		Kinh	xã Phú Hữu, huyện Long Phú, Sóc Trăng	Văn phòng HU Châu Thành	VP04	61.50		61.50	
10	CV020	Phạm Đoàn Thúy	Vy		11/12/1996	Kinh	xã Châu Khánh, huyện Long Phú, Sóc Trăng	Văn phòng HU Kế Sách	VP05	55.00		55.00	
11	CV022	Ngô Hùng	Duy	25/10/1990		Kinh	xã An Mỹ, huyện Kế Sách, Sóc Trăng	Văn phòng HU Kế Sách	VP05	25.00	2.5	27.50	Tham gia nghĩa vụ công an

Số TT	Số báo danh	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm	Kết quả thi Vòng 2			Ghi chú
			Nam	Nữ					Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
Chuyên viên về công tác Nội chính (01 chỉ tiêu)												
12	CV024	Nguyễn Công Lịnh	08/01/1996		Kinh	Xã Thạnh Trị, huyện Thạnh Trị, Sóc Trăng	Ban Nội chính Tỉnh ủy	NC01	62.00		62.00	
13	CV025	Phạm Vũ Khoa	02/04/1996		Kinh	An Trung, An Thạnh I, Cù Lao Dung, Sóc Trăng	Ban Nội chính Tỉnh ủy	NC01	63.00		63.00	
14	CV026	Lâm Thị Huyền Trang		09/01/1990	Kinh	Ấp Tăng Long, xã An Thạnh Đông, huyện Cù Lao Dung, Sóc Trăng	Ban Nội chính Tỉnh ủy	NC01	53.50		53.50	
15	CV028	Đỗ Hoang Sang	10/07/1991		Kinh	Ấp Thạnh Phú, Thạnh Thới Thuận, Trần Đề, Sóc Trăng	Ban Nội chính Tỉnh ủy	NC01	53.50		53.50	
Chuyên viên về công tác Phòng chống Tham nhũng (01 chỉ tiêu)												
16	CV031	Nguyễn Quang Huy	17/12/1996		Kinh	Xã Thạnh Phú, huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Ban Nội chính Tỉnh ủy	NC02	46.00		46.00	
17	CV036	Phan Phát Đạt	18/10/1996		Kinh	Vĩnh Lợi, Thạnh Trị, Sóc Trăng	Ban Nội chính Tỉnh ủy	NC02	75.00		75.00	
18	CV039	Trịnh Yến Phương		18/3/1994	Kinh	xã Bình Lập, Châu Thành, Long An	Ban Nội chính Tỉnh ủy	NC02	65.00		65.00	
Chuyên viên về Quản lý Phát triển Nguồn Nhân lực (01 chỉ tiêu)												
19	CV040	Phạm Hải Đăng	26/3/1990		Kinh	xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Ban Tổ chức Thị ủy Vĩnh Châu	TC01	76.50	5	81.50	tốt nghiệp đào tạo CHT BCH Quân sự cấp xã được phong hàm sĩ quan dự bị
20	CV041	Đặng Út Em	24/4/1986		Kinh	xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Ban Tổ chức Thị ủy Vĩnh Châu	TC01	51.50		51.50	
21	CV042	Thạch Duy Cường	10/6/1986		Khmer	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Ban Tổ chức Thị ủy Vĩnh Châu	TC01	79.00	5	84.00	Dân tộc thiểu số
22	CV044	Nguyễn Quế Anh		01/02/1996	Kinh	xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Ban Tổ chức Thị ủy Vĩnh Châu	TC01	65.50		65.50	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên		Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm	Kết quả thi Vòng 2			Ghi chú
				Nam	Nữ					Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
Chuyên viên về công tác Tổ chức Xây dựng Đảng (01 chỉ tiêu)													
23	CV049	Nguyễn Thị Như	Ý		20/6/1998	Kinh	xã Mỹ Bình, thị xã Ngã Năm, Sóc Trăng	Ban Tổ chức Huyện ủy Châu Thành	TC02	60.00		60.00	
24	CV056	Lê Hoàng	Len	01/01/1986		Khmer	xã Đồng Phước, huyện Châu Thành, Sóc Trăng	Ban Tổ chức Huyện ủy Châu Thành	TC02	16.50	5	21.50	Dân tộc thiểu số
Chuyên viên về công tác Phụ nữ (01 chỉ tiêu)													
25	CV057	Mai Kim	Ngân		03/10/1998	Kinh	Xã Vĩnh Hưng, huyện Vĩnh Lợi, Bạc Liêu	Văn phòng Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	PN01	84.00		84.00	
26	CV059	Nguyễn Thị Hồng	Hải		19/8/1991	Kinh	Xã Long Bình, Long Mỹ, Hậu Giang	Văn phòng Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	PN01	66.00		66.00	
27	CV061	Trần Thị Ngọc	Ngân		12/5/1999	Kinh	Xã Thạnh Trị, huyện Thạnh Trị, Sóc Trăng	Văn phòng Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	PN01	55.00		55.00	
Chuyên viên về công tác Hội Nông dân (01 chỉ tiêu)													
28	CV071	La Thúy	Hà		30/7/1997	Khmer	xã An Ninh, huyện Châu Thành, Sóc Trăng	Ban Xây dựng Hội Nông dân tỉnh	ND01	38.40	5	43.40	Dân tộc thiểu số
Chuyên viên về công tác Công đoàn (04 chỉ tiêu)													
29	CV080	Võ Lê Trúc	Tâm		06/02/1998	Kinh	Xã An Ninh, huyện Châu Thành, Sóc Trăng	Văn phòng Liên đoàn Lao động tỉnh	LD01	68.50		68.50	
30	CV083	Nguyễn Thị Tí	Nị		21/6/1987	Kinh	Xã Lâm Tân, huyện Thạnh Trị, Sóc Trăng	Văn phòng Liên đoàn Lao động tỉnh	LD01	82.50	5	87.50	Con Thương binh
31	CV089	Lương Trần Bảo	Minh		05/10/1993	Kinh	Xã Mỹ Quới, thị xã Ngã Năm, Sóc Trăng	Ban Tài chính - Liên đoàn Lao động tỉnh	LD02	82.50		82.50	
32	CV091	Phan Thị Quyền	Trang		12/12/1988	Kinh	Xã Gia Hòa 2, huyện Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Ban Tài chính - Liên đoàn Lao động tỉnh	LD02	69.00		69.00	
33	CV094	Trần Thị Thanh	Thảo		21/9/1990	Kinh	Xã Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Ban Tài chính - Liên đoàn Lao động tỉnh	LD02	53.50		53.50	
34	CV100	Tô Lan	Anh		20/10/1989	Kinh	Xã Tân Thạnh, huyện Long Phú, Sóc Trăng	Ban Tuyên giáo - Nữ công, Liên đoàn Lao động tỉnh	LD03	67.50		67.50	
Chuyên viên về công tác Đoàn Thanh niên (02 chỉ tiêu)													
35	CV104	Triệu Trí	Nhân	01/9/1996		Khmer	phường Vĩnh Phước, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Thị đoàn Vĩnh Châu	TN02	39.00	5	44.00	Dân tộc thiểu số

Số TT	Số báo danh	Họ và tên		Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm	Kết quả thi Vòng 2			Ghi chú
				Nam	Nữ					Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
36	CV105	Tăng Huỳnh Phương	Nam	06/7/1998		Khmer	xã Vĩnh Tân, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Thị đoàn Vĩnh Châu	TN02	33.00	5	38.00	Dân tộc thiểu số
37	CV108	Nguyễn Thị Mỹ Thi	Nhân		24/3/1998	Kinh	xã Vĩnh Lợi, huyện Thạnh Trị, Sóc Trăng	Huyện đoàn Thạnh Trị	TN03	66.50		66.50	
38	CV110	Võ Thị Tuyết	Giang		01/11/1997	Kinh	xã Thạnh Trị, huyện Thạnh Trị, Sóc Trăng	Huyện đoàn Thạnh Trị	TN03	72.50		72.50	
39	CV112	Phan Văn	Tài	17/4/1997		Kinh	thị trấn Phú Lộc, huyện Thạnh Trị, Sóc Trăng	Huyện đoàn Thạnh Trị	TN03	62.50		62.50	
Chuyên viên về công tác Mặt trận (02 chỉ tiêu)													
40	CV113	Trần Thị Cẩm	Lài		19/06/1993	Kinh	Xã Mỹ Tú, huyện Mỹ Tú, Sóc Trăng	Ban Dân chủ - Pháp luật, UBMTTQ tỉnh	MT01	18.50		18.50	
41	CV114	Tô Minh	Tâm	28/01/1999		Khmer	Ấp Bưng Chụm, xã Tham Đôn, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Ban Dân chủ - Pháp luật, UBMTTQ tỉnh	MT01	60.00	5	65.00	Dân tộc thiểu số
42	CV115	Dương Gia	An		19/7/1995	Khmer	ấp Rạch Sên, xã Thạnh Phú, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Ban Dân chủ - Pháp luật, UBMTTQ tỉnh	MT01	21.50	5	26.50	Dân tộc thiểu số
43	CV126	Nguyễn Thị	Thà		12/08/1992	Kinh	Phước Long, Hồng Dân, Bạc Liêu	UBMTTQ Vĩnh Châu	MT02	59.00		59.00	
44	CV127	Trần Hương	Liên		01/8/1989	Hoa	Lạc Hòa, Vĩnh Châu, Sóc Trăng	UBMTTQ Vĩnh Châu	MT02	45.00	5	50.00	Dân tộc thiểu số
45	CV128	Dương Thị Thanh	Điểm		01/01/1989	Kinh	xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	UBMTTQ Vĩnh Châu	MT02	66.50	5	71.50	Con đẻ người hoạt động KC bị nhiễm chất độc hóa học
46	CV129	Ngô Hoàng	Dẹn	05/11/1987		Kinh	xã Hòa Đông, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	UBMTTQ Vĩnh Châu	MT02	59.00	5	64.00	Con Thương binh
47	CV130	Trần Thanh	Truyền	10/11/1990		Kinh	Xã Vĩnh Hải, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	UBMTTQ Vĩnh Châu	MT02	43.50	2.5	46.00	Hoàn thành nghĩa vụ Quân sự
Chuyên viên về công tác Tuyên giáo (02 chỉ tiêu)													
48	CV132	Thạch Thị Ngọc	Vân		14/07/1997	Khmer	Phường 2, thị xã Vĩnh Châu, Sóc Trăng	Ban Tuyên giáo Thị ủy Vĩnh Châu	TG01	55.00	5	60.00	Dân tộc thiểu số
49	CV135	Lê Tấn	Duy	21/12/1998		Kinh	Vĩnh Hòa Hưng Nam, Gò Quao, Kiên Giang	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	TG02	45.00		45.00	
50	CV137	Hồ Bình	An	12/07/1992		Kinh	Gia Hòa 2, Mỹ Xuyên, Sóc Trăng	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	TG02	60.00		60.00	

Số TT	Số báo danh	Họ và tên		Năm sinh		Dân tộc	Quê quán	Cơ quan đăng ký dự tuyển	Mã vị trí việc làm	Kết quả thi Vòng 2			Ghi chú
				Nam	Nữ					Điểm thi	Điểm ưu tiên	Tổng điểm	
Kế toán (02 chỉ tiêu)													
51	CV145	Lâm Quang	Kiệt	19/12/1978		Hoa	ấp Trà Quýt A, TT Châu Thành, huyện Châu Thành, Sóc Trăng	Phòng Tài chính Quản trị, VPTU	KT01	54.00	5	59.00	Dân tộc thiểu số
52	CV148	Nguyễn Thị Thu	Hai		16/05/1989	Kinh	An Thạnh 2, Cù Lao Dung, Sóc Trăng	Liên đoàn Lao động huyện Cù Lao Dung	KT03	61.50		61.50	